



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN**

**Báo cáo tài chính năm 2013 kết thúc**  
**vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán**

0

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN**

**Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An**

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN**

**Báo cáo tài chính năm 2013 kết thúc**

**vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán**



## **MỤC LỤC**

<b>Nội Dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 35
- Phụ lục bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	36 - 40

050  
CỘNG  
HÒA  
CH VI  
CHÍNH  
KIỂM  
HIA  
TP.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà - Long An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2013 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo Biên bản thỏa thuận số 01/05 BB – HH-LA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Hồng Hà Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100682291 (Số cũ 5003000119), đăng ký lần đầu ngày 14/9/2005, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 19/09/2013 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Long An cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất kinh doanh.

**Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:**

- 1 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Mã ngành: 4290 (chính)
- 2 - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Mã ngành: 46204
- 3 - Bán buôn thủy sản. Mã ngành: 46322.
- 4 - Bán buôn gạo. Mã ngành: 46310.
- 5 - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. Mã ngành: 47222.
- 6 - Xây dựng lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường; cung cấp, lắp đặt đường dây, trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ lạnh; thi công trang trí nội thất công trình; lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; kinh doanh nhà; dịch vụ môi giới, tư vấn về bất động sản; sản xuất kinh doanh thiết bị xây dựng kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí, phân bón, hóa chất, trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao; mua bán vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, phụ tùng; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; cho thuê thiết bị, máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng.

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận kinh doanh năm 2013 kết thúc tại ngày 31/12/2013 lỗ: **(3.065.305.958)** đồng.

#### **Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2013:**

- Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất bê tông tươi, nhưng do thị trường bất động sản đi vào suy thoái, kéo theo các công trình xây dựng phải tạm ngưng hoặc không thực hiện. Do đó trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2013 Công ty đã không hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Do 6 tháng cuối năm 2013 Công ty đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh chính là bê tông tươi. Đến cuối tháng 11/2013 Công ty đã cho thuê một phần mặt bằng và toàn bộ máy móc thiết bị nên doanh thu của Công ty tháng 12/2013 chỉ còn lại tiền cho thuê mặt bằng và máy móc thiết bị nên kết quả kinh doanh của Công ty không đạt.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN**

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo biên bản họp hội đồng quản trị ngày 25/10/2013 thông qua, công ty đã ký hợp đồng cho thuê một phần mặt bằng và toàn bộ máy móc thiết bị theo hợp đồng số: 20/2013/HHLA-HĐKT ngày 27/11/2013. Như vậy, từ tháng 12/2013 và sau niên độ kế toán năm 2013 Công ty không có còn hoạt động sản xuất kinh doanh bê tông tươi mà chỉ thực hiện cho mặt bằng và máy móc thiết bị.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2013 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:**

Ông : Phạm Văn Tiến	Chủ tịch
Ông : Trần Văn Sỹ	Thành viên
Ông : Nguyễn Trọng Toán	Thành viên
Ông : Nguyễn Hữu Hiếu	Thành viên
Ông : Vũ Xuân Mạch	Thành viên

#### **Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:**

Ông : .....	Trưởng ban (Chưa bổ nhiệm)
Ông : Nguyễn Duy Khương	Thành viên
Ông : Hà Thị Thanh Quý	Thành viên

#### **Các thành viên của Ban giám đốc gồm:**

Ông : Trác Văn Thanh	Tổng Giám Đốc
Ông : Nguyễn Hữu Hiếu	Phó Tổng Giám Đốc

#### **Kế toán trưởng**

Ông : Vũ Xuân Mạch

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Long An, ngày 15 tháng 03 năm 2014

TM.BAN GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trúc Văn Thanh



Số: 113...BCKT/TC

Tp. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2014

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Hồng Hà – Long An*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Hồng Hà – Long An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Long An, được lập ngày 15 tháng 1 năm 2014, từ trang 8 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hồng Hà Long An tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán  
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



**Tổng Giám Đốc**

**ĐỖ KHẮC THANH**

Số Giấy CNDKHNKT 0064-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

**LÊ VĂN THẮNG**

Số Giấy CNDKHNKT 0974-2013-142-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.229.872.765</b>	<b>13.577.846.238</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>568.068.362</b>	<b>2.428.485.294</b>
1	Tiền	111		568.068.362	1.070.485.294
2	Các khoản tương đương tiền	112			1.358.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.02</b>	<b>1.804.443.504</b>	<b>8.544.330.283</b>
1	Phải thu khách hàng	131		14.005.107.752	21.933.290.318
2	Trả trước cho người bán	132		35.000.000	38.794.900
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Các khoản phải thu khác	135		45.393.737	114.224.928
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(12.281.057.985)	(13.541.979.863)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>584.759.016</b>	<b>1.817.834.629</b>
1	Hàng tồn kho	141		584.759.016	1.817.834.629
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.04</b>	<b>272.601.883</b>	<b>787.196.032</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.691.414	329.876.350
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		19.399.285	19.399.285
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		246.511.184	437.920.397
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.269.276.580</b>	<b>16.663.605.509</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4	Phải thu dài hạn khác	218			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.472.281.240</b>	<b>9.833.492.797</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.05</b>	3.283.500.599	7.592.598.328
-	- Nguyên giá	222		10.356.280.499	17.357.172.106
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.072.779.900)	(9.764.573.778)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	- Nguyên giá	225			
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	2.188.780.641	2.240.894.469
	- Nguyên giá	228		2.605.691.260	2.605.691.260
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(416.910.619)	(364.796.791)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
	- Nguyên giá	241			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.796.995.340</b>	<b>6.796.995.340</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	7.398.995.340	7.398.995.340
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.08	(602.000.000)	(602.000.000)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>33.117.372</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261			33.117.372
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3	Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>15.499.149.345</b>	<b>30.241.451.747</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.052.613.133</b>	<b>24.729.609.577</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.052.613.133</b>	<b>24.729.609.577</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	5.513.650.283	12.020.492.414
2	Phải trả người bán	312	V.10	4.830.120.809	9.860.025.700
3	Người mua trả tiền trước	313	V.10	889.118.000	1.369.118.000
4	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	314	V.11	768.761.269	382.614.022
5	Phải trả người lao động	315			120.096.398
6	Chi phí phải trả	316			
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	1.050.962.772	977.263.043
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334			
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338			
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.446.536.212</b>	<b>5.511.842.170</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.446.536.212</b>	<b>5.511.842.170</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.13	27.482.700.000	27.482.700.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ	414			
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.13	2.027.762.786	2.027.762.786
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.13	1.134.499.474	1.134.499.474
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.13	(28.198.426.048)	(25.133.120.090)
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
2	Nguồn kinh phí	432			
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>15.499.149.345</b>	<b>30.241.451.747</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

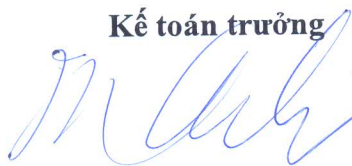
Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá nhận gửi hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Kế toán trưởng



Vũ Xuân Mạch

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám Đốc



Trúc Văn Thanh





**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14	15.381.062.176	30.971.861.535
2	Các khoản giảm trừ	02	VI.15		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.16	15.381.062.176	30.971.861.535
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.17	17.403.433.410	35.193.864.493
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.022.371.234)	(4.222.002.958)
6	Doanh thu tài chính	21	VI.18	591.726.407	548.282.675
7	Chi phí tài chính	22	VI.19	916.777.221	2.617.642.427
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		916.777.221	2.427.627.805
8	Chi phí bán hàng	24		369.697.460	681.042.073
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		780.600.793	6.470.081.581
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(3.497.720.301)	(13.442.486.364)
11	Thu nhập khác	31	VI.20	4.438.464.448	1.754.871.164
12	Chi phí khác	32	VI.21	4.006.050.105	2.444.540.402
13	Lợi nhuận khác	40		432.414.343	(689.669.238)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.22	(3.065.305.958)	(14.132.155.602)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.22	(3.065.305.958)	(14.132.155.602)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	(1.115)	(5.142)

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám Đốc



Trúc Văn Thanh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

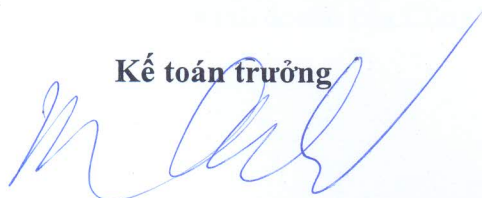
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	23.990.766.885	50.495.389.340
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(22.069.465.002)	(41.616.697.754)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.817.917.693)	(2.619.170.348)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(916.777.221)	(2.423.631.774)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(389.930.205)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.258.406.034	1.077.656.468
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.678.950.574)	(2.677.149.573)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>(233.937.571)</b>	<b>1.846.466.154</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	4.288.636.363	1.735.454.544
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	591.726.407	548.282.675
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.880.362.770</b>	<b>2.283.737.219</b>
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.666.126.736	35.588.235.027
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.172.968.867)	(39.589.920.361)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(185.570.860)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.506.842.131)</b>	<b>(4.187.256.194)</b>
<b>IV</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.860.416.932)</b>	<b>(57.052.821)</b>
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.428.485.294	2.485.538.115
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	568.068.362	2.428.485.294

Kế toán trưởng



Vũ Xuân Mạch



Lập, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám Đốc



Trác Văn Thanh



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

**Công ty Cổ phần Hồng Hà - Long An** được thành lập theo Biên bản thỏa thuận số 01/05 BB – HH-LA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Hồng Hà Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100682291 (Số cũ 5003000119), đăng ký lần đầu ngày 14/9/2005, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 19/09/2013 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Long An cấp.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất kinh doanh.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- 1 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Mã ngành: 4290 (chính)
- 2 - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Mã ngành: 46204
- 3 - Bán buôn thủy sản. Mã ngành: 46322.
- 4 - Bán buôn gạo. Mã ngành: 46310.
- 5 - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. Mã ngành: 47222.
- 6 - Xây dựng lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường; cung cấp, lắp đặt đường dây, trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ lạnh; thi công trang trí nội thất công trình; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; kinh doanh nhà; dịch vụ môi giới, tư vấn về bất động sản; sản xuất kinh doanh thiết bị xây dựng kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí, phân bón, hóa chất, trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao; mua bán vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, phụ tùng; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; cho thuê thiết bị, máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng.

#### **4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

- Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất bê tông tươi, nhưng do thị trường bất động sản đi vào suy thoái, kéo theo các công trình xây dựng phải tạm ngưng hoặc không thực hiện. Do đó trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2013 Công ty đã không hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Do 6 tháng cuối năm 2013 Công ty đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh chính là bê tông tươi. Đến cuối tháng 11/2013 Công ty đã cho thuê một phần mặt bằng và toàn bộ máy móc thiết bị nên doanh thu của Công ty tháng 12/2013 chỉ còn lại tiền cho thuê mặt bằng và máy móc thiết bị nên kết quả kinh doanh của Công ty không đạt.



## **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

- 1- Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung được thực hiện trên máy vi tính.

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

#### **- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

Các nghiệp vụ khác liên quan đến ngoại tệ sẽ được thực hiện theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.





## **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

### **- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho.

### **- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

### **- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Công ty không phát sinh khoản dự phòng hàng tồn kho)**

## **3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

### **- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại thông tư 203/2009/TT-BTC và thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

### **- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<b><u>Loại tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao</u></b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Tài sản cố định vô hình	50 năm
- Tài sản thuê tài chính	08 - 10 năm

## **4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “chi phí đi vay”

## **5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.



Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN**

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

---

cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

<b>01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	26.310.199	145.660.563
- Tiền gửi ngân hàng	541.758.163	924.824.731
+ Ngân hàng TMCP ĐT&PT - Chi nhánh Phú Nhuận	3.604.487	922.788.411
+ Ngân hàng TMCP ĐT&PT - Chi nhánh Tp.HCM		1.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.Hồ Chí Minh	532.371.027	1.012.150
+ Ngân hàng Techcombank		24.170
+ Công ty chứng khoán Đông Nam Á	5.782.649	
- Các khoản tương đương tiền (Tiếp kiệm 3 tháng)		1.358.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>568.068.362</b>	<b>2.428.485.294</b>

**Ghi chú:** - Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2013.  
 - Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 31/12/2013.

<b>02- PHẢI THU KHÁCH HÀNG</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu khách hàng (a)	14.005.107.752	21.933.290.318
- Trả trước cho người bán	35.000.000	38.794.900
- Các khoản phải thu khác	45.393.737	114.224.928
+ Phải thu phần Tạm ứng NV đã nghỉ việc	-	47.570.715
+ Thuế TNCN phải thu	38.519.922	39.119.922
+ Khác (dư nợ 338)	6.873.815	14.373.815
+ BHYT, BHXH, BHTN phải thu của NV		13.160.476
- Dự phòng phải thu khó đòi (b)	(12.281.057.985)	(13.541.979.863)
<b>CỘNG</b>	<b>1.804.443.504</b>	<b>8.544.330.283</b>

<b>(a) Chi tiết một số phải thu khách hàng:</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP ĐT XD số 10 IDI	1.151.611.974	1.870.161.974
Công ty CP XD và PT Cơ sở hạ tầng số 9	927.581.000	927.581.000
Công ty TNHH XD SX TM Lâm Hoàng Tính	850.240.000	900.240.000
Công ty CP ĐT XD Định Tân	-	220.517.500
Công ty TNHH DV TK XD SUNGHWAN( Việt Nam )	702.007.550	702.007.550
Công ty CP Ga Thành Tài	84.000.000	504.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

CN Công ty CP XD Số 1 Hà Nội - Số 116	234.590.000	610.250.000
Công ty CP TM-DV-MM-XNK Ngân Thanh	607.797.500	607.797.500
Công ty CP ĐT XD số 8	286.838.000	416.838.000
Sở khoa học và Công nghệ Tây Ninh	-	19.965.000

(b) Chi tiết Dự phòng phải thu khó đòi xem phụ lục đính kèm: Từ trang 36 đến trang 40.

**03- HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá gốc hàng tồn kho	584.759.016	1.817.834.629
+ Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	50.254.899	1.000.080.080
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	534.504.117	534.504.117
+ Hàng gửi đi bán (**)		283.250.432
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK</b>	<b>584.759.016</b>	<b>1.817.834.629</b>

**Ghi chú:**

- (\*) Đây là khoản chi phí lắp đặt trạm bê tông 30m<sup>3</sup>/h cho Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & XD Công Nghệ 10 theo Hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 31/12/2013 vẫn chưa quyết toán được với khách hàng.
- (\*\*): Giá trị trên chỉ tiêu hàng gửi đi bán (đầu năm và cuối năm) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc năm tài chính nhưng chưa được khách hàng xác nhận khối lượng.
- đơn vị sử dụng TK 157 "hàng gửi đi bán" treo lại khoản giá trị chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa đơn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn cho phù hợp. Giá trị này thực chất không phải là hàng gửi bán.

**04- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	6.691.414	329.876.350
+ Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	6.691.414	329.876.350
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	19.399.285	19.399.285
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	19.399.285	19.399.285
- Tài sản ngắn hạn khác	246.511.184	437.920.397
+ Các khoản tạm ứng cá nhân	246.511.184	437.920.397
<b>CỘNG</b>	<b>272.601.883</b>	<b>787.196.032</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**05- TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	3.202.543.682	4.539.288.081	9.239.400.394	183.546.612	192.393.337	17.357.172.106
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng do mua sắm mới						-
- Tăng khác						-
3. Số giảm trong năm	41.095.883	57.681.452	6.806.731.747	95.382.525	-	7.000.891.607
- Giảm do thanh lý			6.806.731.747			6.806.731.747
- Giảm khác	41.095.883	57.681.452		95.382.525		194.159.860
4. Số dư cuối năm	3.161.447.799	4.481.606.629	2.432.668.647	88.164.087	192.393.337	10.356.280.499
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	1.943.119.737	2.530.353.668	5.019.723.234	175.180.519	96.196.620	9.764.573.778
2. Khấu hao trong năm	305.270.484	622.904.376	962.415.269	2.363.484	19.239.324	1.912.192.937
3. Số giảm trong năm	20.890.304	54.983.070	4.438.733.525	89.379.916	-	4.603.986.815
- Giảm do thanh lý			4.438.733.525			4.438.733.525
- Giảm khác	20.890.304	54.983.070		89.379.916		165.253.290
4. Số dư cuối năm	2.227.499.917	3.098.274.974	1.543.404.978	88.164.087	115.435.944	7.072.779.900
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
1. Tại ngày đầu năm	1.259.423.945	2.008.934.413	4.219.677.160	8.366.093	96.196.717	7.592.598.328
2. Tại ngày cuối năm	933.947.882	1.383.331.655	889.263.669	-	76.957.393	3.283.500.599

\* Ghi chú: Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 260.525.905 đồng. (Năm 2012 là: 353.872.888 đồng)





**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**06- TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu		Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ			
1. Số dư đầu năm		2.605.691.260	2.605.691.260
2. Số tăng trong năm		-	-
3. Số giảm trong năm		-	-
4. Số dư cuối năm		2.605.691.260	2.605.691.260
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm		364.796.791	364.796.791
2. Khấu hao trong năm		52.113.828	52.113.828
3. Số giảm trong năm		-	-
4. Số dư cuối năm		416.910.619	416.910.619
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
1. Tại ngày đầu năm		2.240.894.469	2.240.894.469
2. Tại ngày cuối năm		2.188.780.641	2.188.780.641



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**07- ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Tên cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1. Cổ phiếu Công ty Cổ phần XD&KD địa ốc Tân Kỳ	33	145.340	33	145.340
2. Cổ phiếu Công ty Cổ phần ĐT&PT Hồng Hà	679.685	6.796.850.000	679.685	6.796.850.000
3. Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà - Bà Rịa	60.200	602.000.000	60.200	602.000.000
<b>CỘNG</b>		<b>7.398.995.340</b>		<b>7.398.995.340</b>

**08- DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng khoản đầu tư vào Công ty CP Hồng Hà - Bà Rịa	(602.000.000)	(602.000.000)
<b>CỘNG</b>	<b>(602.000.000)</b>	<b>(602.000.000)</b>

**09- VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Vay ngắn hạn của các cá nhân	800.000.000	2.300.000.000
* Ông Trác Văn Thanh	800.000.000	40.000.000
* Ông Phạm Văn Tiến		2.260.000.000
+ Vay ngắn hạn NH Đầu Tư & Phát Triển	4.713.650.283	9.720.492.414
<b>CỘNG</b>	<b>5.513.650.283</b>	<b>12.020.492.414</b>

**Ghi chú:**

- Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 31/12/2013.
- Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 31/12/2013.

Khoản vay ngắn hạn **Ngân hàng Đầu Tư Và Phát Triển - CN Phú Nhuận** được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số đăng ký tại NH: 01/2012/1007218 ngày 17/12/2012.

**+ Các hình thức đảm bảo tiền vay được ghi nhận trong hợp đồng gồm:**

\* Thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay theo các hợp đồng thế chấp/cầm cố (Hợp đồng bảo đảm tiền vay) đã và sẽ ký kết giữa ngân hàng và bên vay gồm: Quyền sử dụng đất tại khu đất nhà máy 1 (KCN Hoàng Gia Long An, huyện Đức Hòa, Long An); Quyền sở hữu công trình trên đất tại nhà máy 1 (KCN Hoàng Gia Long An, huyện Đức Hòa, Long An); Quyền sở hữu công trình trên đất tại nhà máy 3 (Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, TX Tân An, Long An); Các máy móc thiết bị & phương tiện vận tải tại nhà máy 1 và nhà máy 3, xe ô tô Innova biển số 62L-6047; Các hợp đồng tiền gửi; Cầm cố 679.685 cổ phiếu của Công ty Cổ phần ĐT&PT Hồng Hà. Giá trị TSĐB, Phương thức xử lý TSĐB thực hiện theo quy định tại hợp đồng bảo đảm tiền vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

\* Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác.

\* Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

<b>10- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN &amp; NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải trả người bán	(a)	4.830.120.809	9.860.025.700
- Người mua trả tiền trước	(b)	889.118.000	1.369.118.000
<b>CỘNG</b>		<b>5.719.238.809</b>	<b>11.229.143.700</b>

**(a) Chi tiết một số phải trả khách hàng:**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH TM-XD-SX Phương Nga	747.000.000	823.266.500
Công ty CP ĐT XD Hưng Quốc Thịnh	-	1.591.623.121
Công ty CP VL XD & TTNT TP HCM	1.126.079.820	2.407.795.360
DNTN TM DV Hưng Thịnh	-	1.263.118.275
Công ty CP TM & DV Đức Toàn	886.852.750	941.170.750
Công ty CP Vận tải & Dịch vụ PETROLIMEX Sài Gòn	604.117.000	682.982.400
DNTN TM Phú Thành	-	314.480.649
Công ty CP TM & DV Cá Voi Xanh	450.994.500	507.804.000
DNTN Thiện Hải	-	356.266.385
Công ty TNHH BASF Việt Nam	383.874.650	383.874.650

**(b) Chi tiết một số Người mua trả tiền trước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cp ĐT&XD Công nghệ 10	620.000.000	620.000.000
Công ty TNHH TMDV Xuất Nhập Khẩu Thuận Hòa	230.000.000	180.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Trung Liêm		500.000.000

**11- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	614.727.950	244.371.979
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu		21.038.312
- Thuế nhập khẩu phải nộp		6.185.916
- Tiền thuê đất	168.180	104.400
- Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	153.865.139	110.913.415

**CỘNG****768.761.269****382.614.022**

## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

### 12- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	550.253.349	515.064.971
- Bảo hiểm Y tế, bảo hiểm Xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	20.203.968	228.269.890
- Cổ tức phải trả năm 2010 cho cổ đông	60.460.000	60.460.000
- Nhận ký quỹ thế chân của NV lái xe	29.500.000	78.500.000
- Công ty TNHH TM-XD-SX Phương Nga	22.688.182	22.688.182
- Công ty CP TM DV Cá Voi Xanh	27.300.000	27.300.000
- Phải trả khác	67.830.000	44.980.000
- Doanh thu nhận trước về tiền cho thuê mặt bằng, máy móc	272.727.273	
<b>CỘNG</b>	<b>1.050.962.772</b>	<b>977.263.043</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

13- VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000	2.027.762.786	1.134.499.474	(11.000.964.488)
Tăng vốn trong năm trước				
Lãi trong năm trước				
Tăng khác				
Giảm vốn trong năm trước				
Lỗ trong năm trước				14.132.155.602
Giảm khác				
Số dư cuối năm trước	27.482.700.000	2.027.762.786	1.134.499.474	(25.133.120.090)
Số dư đầu năm nay	27.482.700.000	2.027.762.786	1.134.499.474	(25.133.120.090)
Tăng vốn trong năm nay				
Lãi trong năm nay				
Tăng khác				
Giảm vốn trong năm nay				
Lỗ trong năm nay				3.065.305.958
Giảm khác				
Số dư cuối năm nay	27.482.700.000	2.027.762.786	1.134.499.474	(28.198.426.048)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của các cổ đông (Bao gồm các Cổ đông sáng lập và các Cổ đông khác)	27.482.700.000	27.482.700.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>27.482.700.000</b>	<b>27.482.700.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức**

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.482.700.000	27.482.700.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.482.700.000	27.482.700.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.748.270	2.748.270
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.027.762.786	2.027.762.786
- Quỹ dự phòng tài chính	1.134.499.474	1.134.499.474
<b>Cộng</b>	<b>3.162.262.260</b>	<b>3.162.262.260</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****14- TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng	15.381.062.176	30.971.861.535
<b>CỘNG</b>	<b>15.381.062.176</b>	<b>30.971.861.535</b>

**15- CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chiết khấu thương mại		
- Hàng bán bị trả lại		
<b>CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**16- DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CCDV**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu thuần về bán hàng	15.381.062.176	30.971.861.535
<b>CỘNG</b>	<b>15.381.062.176</b>	<b>30.971.861.535</b>

**17- GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn hàng bán	17.403.433.410	35.193.864.493
<b>CỘNG</b>	<b>17.403.433.410</b>	<b>35.193.864.493</b>

**18- DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	42.609.407	208.440.175
- Cổ tức được chia	549.117.000	339.842.500
<b>CỘNG</b>	<b>591.726.407</b>	<b>548.282.675</b>

**19- CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi vay ngân hàng + thuê tài chính	692.727.907	2.024.052.464
- Chi phí lãi vay vốn lưu động khác	224.049.314	403.575.341
- Dự phòng giảm giá đầu tư		189.994.622
- Chi phí khác		20.000
<b>CỘNG</b>	<b>916.777.221</b>	<b>2.617.642.427</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**20- THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu về thanh lý TSCĐ	4.288.636.363	1.735.454.544
- Thu nhập khác	149.828.085	19.416.620
<b>CỘNG</b>	<b>4.438.464.448</b>	<b>1.754.871.164</b>

**21- CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	2.367.998.222	2.030.682.433
- Xử lý công nợ và chi phí khác	1.638.051.883	272.636.546
- Chí phí khác		141.221.423
<b>CỘNG</b>	<b>4.006.050.105</b>	<b>2.444.540.402</b>

**22- THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(3.065.305.958)</b>	<b>(14.132.155.602)</b>
- Các khoản điều chỉnh Tăng hoặc Giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(507.320.583)	(39.759.235)
+ <i>Các khoản điều chỉnh Tăng</i>	<b>41.796.417</b>	<b>300.083.265</b>
* <i>Chi phí không được trừ</i>	41.796.417	300.083.265
+ <i>Các khoản điều chỉnh Giảm</i>	<b>(549.117.000)</b>	<b>(339.842.500)</b>
* <i>Cổ tức được chia</i>	(549.117.000)	(339.842.500)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(3.572.626.541)	(14.171.914.837)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(3.065.305.958)</b>	<b>(14.132.155.602)</b>

**Ghi chú:**

- Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.
- Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 3 là 25%.

**23- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN TRONG NĂM 2012**

- Lợi nhuận đầu năm 2013 (Lỗ)	(1)	(25.133.120.090)
- Lợi nhuận kinh doanh năm 2013 (Lỗ)	(2)	(3.065.305.958)
- Lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2013 = (1)+(2)		(28.198.426.048)



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**24- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.065.305.958)	(14.132.155.602)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.748.270	2.748.270
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.115)	(5.142)

**25- CHI PHÍ THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên vật liệu	11.577.565.254	22.425.166.611
- Chi phí nhân công	2.063.201.636	3.076.611.935
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.964.306.765	2.516.414.288
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.052.589.900	1.620.261.227
- Chi phí khác bằng tiền	1.001.206.930	5.140.740.436

**Cộng****17.658.870.485****34.779.194.497****26- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Thông tin các bên liên quan**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

**Tên bên liên quan**

Ông Phạm Văn Tiến

Ông Trác Văn Thanh

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT

Tổng giám đốc

Trong năm 2013, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

<b>Đối tượng</b>	<b><u>Số nhận tiền vay</u></b>	<b><u>Số trả nợ vay</u></b>
- Ông Phạm Văn Tiến		2.260.000.000
- Ông Trác Văn Thanh	1.000.000.000	240.000.000
<b>Số dư các bên liên quan</b>	<b><u>Số cuối năm</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
<b>Các khoản vay ngắn hạn</b>		
- Ông Phạm Văn Tiến	-	2.260.000.000
- Ông Trác Văn Thanh	800.000.000	40.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

<b>Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lương	358.807.254	457.774.768
- Các khoản phúc lợi và thù lao khác		84.200.000
<b>Tổng</b>	<b>358.807.254</b>	<b>541.974.768</b>

**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập dựa trên giả thuyết hoạt động liên tục, mặc dù khái niệm này đang bị ảnh hưởng do: Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2013 trên bảng cân đối kế toán là: (28.198.426.048) đồng, khoản lỗ lũy kế đã vượt cao hơn vốn điều lệ của Công ty. Ngoài ra tính thanh khoản của các khoản nợ phải thu của Công ty cũng đang bị ảnh hưởng do Công ty đang có nhiều các khoản nợ khó đòi đang phải lập dự phòng.

**Trình bày tài sản và kết quả kinh doanh theo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở chính và 2 chi nhánh hoạt động tại các huyện khác nhau của tỉnh Long An và chịu ảnh hưởng của các mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi khác nhau. Vì vậy Công ty thực hiện trình bày tài sản và kết quả kinh doanh theo từng khu vực này.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

<b>Đối tượng</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
- Trụ sở chính	13.409.819.449	21.341.750.161
- Nhà máy bê tông Hồng Hà - Long An 3	1.971.242.727	9.630.111.374
<b>Tổng</b>	<b>15.381.062.176</b>	<b>30.971.861.535</b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận gồm: tăng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và tài sản cố định vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó:

<b>Đối tượng</b>	<b>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
- Trụ sở chính	2.370.802.316	6.377.339.003
- Nhà máy bê tông Hồng Hà - Long An 3	912.698.282	1.215.259.325
- Tài sản cố định vô hình (tại văn phòng chính)	2.188.780.642	2.240.894.469
<b>Tổng</b>	<b>5.472.281.240</b>	<b>9.833.492.797</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

### 27- CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty do các cổ đông góp vốn.

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.

#### Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền	568.068.362	2.428.485.294
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	14.050.501.489	22.047.515.246
Đầu tư dài hạn	7.398.995.340	7.398.995.340
Tài sản tài chính khác	246.511.184	437.920.397
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.264.076.375</b>	<b>32.312.916.277</b>
Công nợ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
Các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn	5.513.650.283	12.020.492.414
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.881.083.581	10.837.288.743
Chi phí phải trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.394.733.864</b>	<b>22.857.781.157</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

### Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2012 Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư.

#### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2013 chưa có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>31/12/2013</b>			
Các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn	5.513.650.283	-	5.513.650.283
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	5.881.083.581	-	5.881.083.581
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.394.733.864</b>	<b>-</b>	<b>11.394.733.864</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

31/12/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn	12.020.492.414	-	12.020.492.414
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	10.837.288.743	-	10.837.288.743
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.857.781.157</b>	<b>-</b>	<b>22.857.781.157</b>

Ban giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản đối với các khoản nợ phải thu ở mức cao do Công ty có rất nhiều các khoản nợ phải thu trên 1 năm chưa thu hồi được và đang phải trích lập dự phòng. Ban giám đốc đang quyết tâm điều hành Công ty và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đối với các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có:

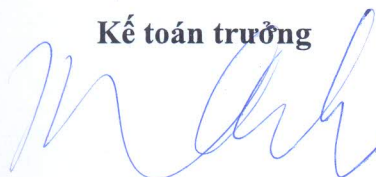
31/12/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	568.068.362	-	568.068.362
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.394.237	14.005.107.252	14.050.501.489
Đầu tư dài hạn	-	7.398.995.340	7.398.995.340
Tài sản tài chính khác	246.511.184	-	246.511.184
<b>Tổng cộng</b>	<b>859.973.783</b>	<b>21.404.102.592</b>	<b>22.264.076.375</b>

31/12/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.428.485.294	-	2.428.485.294
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.520.734.367	17.526.780.879	22.047.515.246
Đầu tư dài hạn	-	7.398.995.340	7.398.995.340
Tài sản tài chính khác	437.920.397	-	437.920.397
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.387.140.058</b>	<b>24.925.776.219</b>	<b>32.312.916.277</b>

**28- SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc tại ngày 31/12/2012. Số liệu này đã được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) .

**Kế toán trưởng**



*Vũ Xuân Mạch*

Lập, ngày 15 tháng 08 năm 2014

**Tổng Giám Đốc**



*Trúc Văn Thanh*



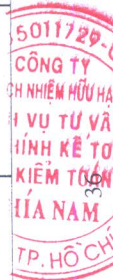


**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN**

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

**BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG NỢ KHÓ ĐÒI**  
**Năm 2013**

STT	Tên khách hàng	Tổng công nợ	Giá trị nợ khó đòi đến tháng 12. 2013					Cộng	Giá trị đề nghị lập dự phòng đến 31/12/2013
			Từ 06 tháng đến dưới 1 năm ( trích 30%)	Từ 01 năm đến dưới 02 năm ( trích 50%)	Từ 02 năm đến dưới 3 năm (trích 70%)	Trên 3 năm (trích 100%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
I	Công nợ lập dự phòng từ năm 2009	2.268.006.409	-		-	2.268.006.409	2.268.006.409	2.268.006.409	
1	Công ty TNHH Xây Dựng BDC	28.160.000				28.160.000	28.160.000	28.160.000	
2	Công ty Cổ Phần TM&KD Nhà Bình Trung	108.622.000				108.622.000	108.622.000	108.622.000	
3	Công ty TNHH Tư Vấn XD CK Đại Kiến Gia	48.840.000				48.840.000	48.840.000	48.840.000	
4	Công ty TNHH TV-TK KT-TM-DV Đức Việt Cát	263.620.000				263.620.000	263.620.000	263.620.000	
5	Công ty TNHH Xây Dựng Và Kinh Doanh Nhà Hà Tiên Phong	21.650.000				21.650.000	21.650.000	21.650.000	
6	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Hoàng Đại Phát	36.720.000				36.720.000	36.720.000	36.720.000	
7	CTy TNHH TM-DV Hưng Thành Liêm	36.410.000				36.410.000	36.410.000	36.410.000	
8	Công Ty TNHH ĐT & PT Thịnh Phát	38.540.000				38.540.000	38.540.000	38.540.000	
9	Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Tân Kiến Giang	199.105.000				199.105.000	199.105.000	199.105.000	
10	Công ty TNHH Kim Trung	3.000.000				3.000.000	3.000.000	3.000.000	
11	Cty TNHH TM - DV&XD Lập Thành	29.760.000				29.760.000	29.760.000	29.760.000	
12	Công ty Cổ Phần Thiết Kế TV-XD-TM Hoàng Ngân Phú	31.225.000				31.225.000	31.225.000	31.225.000	
13	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Nhà Hoàng Hải	46.330.000				46.330.000	46.330.000	46.330.000	
14	Công ty TNHH ĐT-SX-XD-TM-XNK Như Minh	53.200.000				53.200.000	53.200.000	53.200.000	
15	DNTN XD TM DV Thi Công Cơ Giới Phúc Hải	176.520.000				176.520.000	176.520.000	176.520.000	
16	Công ty TNHH Đầu Tư - Xây Dựng Quang Thọ	269.677.000				269.677.000	269.677.000	269.677.000	
17	Công ty TNHH XD - TM - DV Tân Khai Hoàn	80.770.000				80.770.000	80.770.000	80.770.000	
18	Cty CP ĐTP T Kỹ Nghệ & XD VN-CNTP.HCM-TECHCONVINA	353.698.908				353.698.908	353.698.908	353.698.908	
19	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thanh Phú	27.235.000				27.235.000	27.235.000	27.235.000	





STT	Tên khách hàng	Tổng công nợ	Giá trị nợ khó đòi đến tháng 12. 2013					Cộng	Giá trị đề nghị lập dự phòng đến 31/12/2013
			Từ 06 tháng đến dưới 1 năm ( trích 30%)	Từ 01 năm đến dưới 02 năm ( trích 50%)	Từ 02 năm đến dưới 3 năm (trích 70%)	Trên 3 năm (trích 100%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
20	Công ty TNHH DV-TM-XD Thiên Tuấn	123.940.000				123.940.000	123.940.000	123.940.000	
21	Công ty TNHH Thanh Thanh Long	16.904.000				16.904.000	16.904.000	16.904.000	
22	Công ty Cổ Phần May Và Thương Mại Tân Việt	118.342.000				118.342.000	118.342.000	118.342.000	
23	Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Trọng Nhân	29.122.501				29.122.501	29.122.501	29.122.501	
24	Công ty TNHH TM DV XD Tường Đạt	38.610.000				38.610.000	38.610.000	38.610.000	
25	Công ty TNHH Xây Dựng Văn Thịnh	16.240.000				16.240.000	16.240.000	16.240.000	
26	XNXDHà Tầng KT-Cty TNHH Một Thành Viên PT & KD Nhà	31.185.000				31.185.000	31.185.000	31.185.000	
27	Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế & Xây Dựng Kiến Hoà	16.740.000				16.740.000	16.740.000	16.740.000	
28	Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Và Xây Dựng Minh Trang	23.840.000				23.840.000	23.840.000	23.840.000	
II	Các khoản công nợ cần lập dự phòng trong năm 2010	3.224.974.939	-		-	3.224.974.939	3.224.974.939	3.224.974.939	
29	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và TM Trường Thịnh	36.660.000				36.660.000	36.660.000	36.660.000	
30	Công ty Cổ Phần Vĩnh Nguyên	36.373.930				36.373.930	36.373.930	36.373.930	
31	Công ty Cổ Phần Đồng Mỹ	337.422.634				337.422.634	337.422.634	337.422.634	
32	Công ty TNHH Thế Giới Hoàng Kim	104.915.000				104.915.000	104.915.000	104.915.000	
33	Công ty CP Cơ Khí Công Nghệ Cao Đại Dũng II	33.100.000				33.100.000	33.100.000	33.100.000	
34	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Số 10 IDI	1.151.611.974				1.151.611.974	1.151.611.974	1.151.611.974	
35	Công ty TNHH Xây Dựng Minh Gia	291.233.500				291.233.500	291.233.500	291.233.500	
36	Công ty CP TM-DV-MM-XNK Ngân Thanh	607.797.500				607.797.500	607.797.500	607.797.500	
37	Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Sài Gòn An Cư	146.951.000				146.951.000	146.951.000	146.951.000	
38	Công ty TNHH TM XD Tấn Thành	355.530.000				355.530.000	355.530.000	355.530.000	
39	Công ty TNHH Xây Dựng Thụ Viên	26.741.901				26.741.901	26.741.901	26.741.901	
40	Công ty Cổ Phần Cơ Khí Và TV TK XD Toàn Lực	83.400.000				83.400.000	83.400.000	83.400.000	
41	Công ty Cổ Phần Vĩnh Nguyên	13.237.500				13.237.500	13.237.500	13.237.500	
III	Các khoản công nợ cần lập dự phòng trong năm 2011	3.694.011.747	-	-	69.470.000	3.624.541.747	3.694.011.747	3.673.170.747	
42	Cty CP Đầu tư và Xây Dựng HUD 1.08	93.230.000				93.230.000	93.230.000	93.230.000	
43	CN - Cty Xây Dựng Cầu 75	63.039.400				63.039.400	63.039.400	63.039.400	





STT	Tên khách hàng	Tổng công nợ	Giá trị nợ khó đòi đến tháng 12. 2013					Cộng	Giá trị đề nghị lập dự phòng đến 31/12/2013
			Từ 06 tháng đến dưới 1 năm ( trích 30%)	Từ 01 năm đến dưới 02 năm ( trích 50%)	Từ 02 năm đến dưới 3 năm (trích 70%)	Trên 3 năm (trích 100%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
44	Cty TNHH TMXD Phương Nghi	35.700.000				35.700.000	35.700.000	35.700.000	
45	Cty CP ĐT-XD Phú Thịnh	263.857.762				263.857.762	263.857.762	263.857.762	
46	Cty TNHH TV-XD Kiến Thành	172.600.000				172.600.000	172.600.000	172.600.000	
47	Cty CP XD và PT Cơ sở hạ tầng 9	927.581.000				927.581.000	927.581.000	927.581.000	
48	Cty CP Constrexim	425.871.000				425.871.000	425.871.000	425.871.000	
49	Cty CP ĐT Công Trình Hà Nội	127.831.936				127.831.936	127.831.936	127.831.936	
50	Cty CP ĐT-XD HUDI	172.672.196				172.672.196	172.672.196	172.672.196	
51	Cty TNHH MTV XD-TM-DV Kiến Kiến Thành	334.389.795			69.470.000	264.919.795	334.389.795	313.548.795	
52	Cty TNHH TM Nhật Trung	16.694.000				16.694.000	16.694.000	16.694.000	
53	Cty TNHH XD Tân Việt Tín	23.055.000				23.055.000	23.055.000	23.055.000	
54	Cty TNHH Quốc Hâm	117.577.500				117.577.500	117.577.500	117.577.500	
55	Cty TNHH TM-DV Sông Hương	36.260.000				36.260.000	36.260.000	36.260.000	
56	Cty TNHH DV-TK-XD SUNGHWAN	702.007.550				702.007.550	702.007.550	702.007.550	
57	Cty TNHH SX - TM Tân Quốc Hưng	23.310.000				23.310.000	23.310.000	23.310.000	
58	Cty TNHH DV-TM-XD Thiên Trường	32.000.000				32.000.000	32.000.000	32.000.000	
59	CN Cty CP ĐTXD KD BĐS Tổng 6 - XN XD số 8	28.945.518				28.945.518	28.945.518	28.945.518	
60	CN Cty TRACODI,...LTD tại Đà Nẵng	15.980.000				15.980.000	15.980.000	15.980.000	
61	Cty TNHH Xây Dựng Từ Long	21.900.000				21.900.000	21.900.000	21.900.000	
62	Tổng Cty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn	16.210.000				16.210.000	16.210.000	16.210.000	
63	Cty TNHH Xây Dựng Xuân Lan	5.299.090				5.299.090	5.299.090	5.299.090	
64	DNTN Phương Thành	38.000.000				38.000.000	38.000.000	38.000.000	
IV	Các khoản công nợ cần lập dự phòng trong năm 2012	3.629.088.920	-	350.368.293	3.112.066.500	166.654.127	3.629.088.920	2.520.284.824	
65	Cty TNHH Đầu tư Xây Dựng Hưng Phú	447.464.000			447.464.000		447.464.000	313.224.800	
66	Cty TNHH Thành Công	25.760.000			25.760.000		25.760.000	18.032.000	
67	Cty CP Đầu tư & Xây Dựng số 8	286.838.000			286.838.000		286.838.000	200.786.600	





STT	Tên khách hàng	Tổng công nợ	Giá trị nợ khó đòi đến tháng 12. 2013					Cộng	Giá trị đề nghị lập dự phòng đến 31/12/2013
			Từ 06 tháng đến dưới 1 năm ( trích 30%)	Từ 01 năm đến dưới 02 năm ( trích 50%)	Từ 02 năm đến dưới 3 năm (trích 70%)	Trên 3 năm (trích 100%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
68	Cty TNHH Xây Dựng A&B	2.000.000			2.000.000		2.000.000	1.400.000	
69	Cty TNHH XD-TM An Phát Hưng	159.820.000			159.820.000		159.820.000	111.874.000	
70	Cty CP Ga Thành Tài	84.000.000			84.000.000		84.000.000	58.800.000	
71	Cty CP Xây Dựng Huy Thắng	10.000.000			10.000.000		10.000.000	7.000.000	
72	Cty CP XD & KD Nhà Cửu Long	4.520.000			4.520.000		4.520.000	3.164.000	
73	Cty TNHH TM-VT-CK-XD Quang Sáng	16.080.000				16.080.000	16.080.000	16.080.000	
74	Cty CP Xây Dựng VINASHIN	131.574.127				131.574.127	131.574.127	131.574.127	
75	DNTN Bảy Từ	64.100.000			64.100.000		64.100.000	44.870.000	
76	Cty Cổ Phần Phước Đạt	45.350.000			45.350.000		45.350.000	31.745.000	
77	Cty CP Phát triển Kiến trúc xây Dựng C.A.D	303.268.000			303.268.000		303.268.000	212.287.600	
78	Cty TNHH XD-SX-TM Lâm Hoàng Tính	850.240.000			850.240.000		850.240.000	595.168.000	
79	Cty TNHH Cơ Khí Xây Dựng Tâm Bút	254.060.000			254.060.000		254.060.000	177.842.000	
80	Công ty TNHH XD và Quản lý Dự án MANCON	209.153.500			209.153.500		209.153.500	146.407.450	
81	Công ty Cổ Phần Cơ Khí - Xây Dựng	11.493.000			11.493.000		11.493.000	8.045.100	
82	Công ty Cổ Phần ĐT và xây Dựng COTEC	248.786.793		248.786.793			248.786.793	124.393.397	
83	Cong ty Cổ Phần Xây Dựng Địa ốc Nam Việt	238.800.000			238.800.000		238.800.000	167.160.000	
84	Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Định	5.580.000			5.580.000		5.580.000	3.906.000	
85	Công ty TNHH DV - TM - XD Nguyễn Hoàng	19.000.000				19.000.000	19.000.000	19.000.000	
86	Công ty Phấn Bón Bình Điền	184.935.000		75.315.000	109.620.000		184.935.000	114.391.500	
87	CN Cty Cổ Phần XD Phục Hưng	17.646.500		17.646.500			17.646.500	8.823.250	
88	Công ty TNHH Xây Dựng Sông Tiền	8.620.000		8.620.000			8.620.000	4.310.000	
V	Các khoản công nợ cần lập dự phòng trong năm 2013	1.189.025.237	304.696.000	579.091.000	305.238.237	-	1.189.025.237	594.621.066	
89	CN Cty Cổ Phần Xây Dựng Hà Nội - Số 116	234.590.000			234.590.000		234.590.000	164.213.000	
90	Cty CP Xây Dựng Bảo Dũng	40.080.000			40.080.000		40.080.000	28.056.000	
91	DNTN Phú Vinh	25.000.000			25.000.000		25.000.000	17.500.000	
92	Cty TNHH Hoat Sĩ Đạt	3.780.000			3.780.000		3.780.000	2.646.000	





STT	Tên khách hàng	Tổng công nợ	Giá trị nợ khó đòi đến tháng 12. 2013					Cộng	Giá trị đề nghị lập dự phòng đến 31/12/2013
			Từ 06 tháng đến dưới 1 năm (trích 30%)	Từ 01 năm đến dưới 02 năm (trích 50%)	Từ 02 năm đến dưới 3 năm (trích 70%)	Trên 3 năm (trích 100%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
93	Cty TNHH Đầu tư Phát triển Thủy Mộc	1.788.237			1.788.237		1.788.237	1.251.766	
95	Cty TNHH TV - TK - XD Kiến Trúc á	28.481.000	28.481.000				28.481.000	8.544.300	
96	Cty TNHH TV - TK - XD Tuấn Thành	321.050.000		321.050.000			321.050.000	160.525.000	
97	Cty TNHH - Sx - XD - TM Chí Thành	245.866.000		245.866.000			245.866.000	122.933.000	
98	Cty CP Xây Dựng và TTNT Hoàn Mỹ	12.175.000		12.175.000			12.175.000	6.087.500	
99	Cty TNHH TV - TK Kiến Trúc á	3.733.000	3.733.000				3.733.000	1.119.900	
100	Cty CP Xây Dựng Minh Anh	13.200.000	13.200.000				13.200.000	3.960.000	
101	Cty CP TM - XD Phát Việt	259.282.000	259.282.000				259.282.000	77.784.600	
	Tổng cộng	14.005.107.252	304.696.000	929.459.293	3.486.774.737	9.284.177.222	14.005.107.252	12.281.057.985	

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Vũ Xuân Mạch

Lập, ngày 12 tháng 12 năm 2014

Tổng Giám Đốc



Trúc Văn Thanh

